

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI TNG**
Số: 340A/BC-TNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thái Nguyên, ngày 07 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp TNG122017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025)

TT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ (tỷ đồng)		Thanh toán trong kỳ (tỷ đồng)		Dư nợ cuối kỳ (tỷ đồng)	
				Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	4 năm	16/05/2022	16/05/2026	300,00	0	0	14.88	300,00	0

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025)

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Loại nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
I. Nhà đầu tư trong nước						
1. Nhà đầu tư có tổ chức						
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF	215,4531	71,8177%	-0,6427	-0,2142%	214,8104	71,6035%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC	214,0623	71,3541%	0,0869	0,0290%	214,1492	71,3831%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU FIDES VN	0,0000	0,0000%	0,0000	0,0000%	0,0000	0,0000%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC	174,3739	58,1246%	0,0000	0,0000%	174,3739	58,1246%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LỢI TỨC CAO HD	3,6000	1,2000%	0,0000	0,0000%	3,6000	1,2000%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU Phát triển Việt Nam VCAM-NH	110,0000	36,6667%	-23,5000	-7,8333%	86,5000	28,8333%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF	11,7198	3,9066%	0,0000	0,0000%	11,7198	3,9066%
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU Bản Việt	12,8712	4,2904%	-12,8712	-4,2904%	0,0000	0,0000%
QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM	2,1000	0,7000%	0,0000	0,0000%	2,1000	0,7000%
c) Công ty chứng khoán	7,0000	2,3333%	-7,0000	-2,3333%	0,0000	0,0000%
d) Công ty bảo hiểm	27,0829	9,0276%	0,0000	0,0000%	27,0829	9,0276%
CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA (VIỆT NAM)	0,0000	0,0000%	10,5000	3,5000%	10,5000	3,5000%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam	0,0000	0,0000%	28,0712	9,3571%	28,0712	9,3571%
CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA (VIỆT NAM)	0,0000	0,0000%	4,8000	1,6000%	4,8000	1,6000%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam	0,0000	0,0000%	0,0000	0,0000%	0,0000	0,0000%
CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ	33,0976	11,0325%	0,0000	0,0000%	33,0976	11,0325%
GENERALI VIỆT NAM	6,0976	2,0325%	0,0000	0,0000%	6,0976	2,0325%
đ) Tổ chức khác						
Công ty cổ phần Finhay Việt Nam	12,0000	4,0000%	0,0000	0,0000%	12,0000	4,0000%
CÔNG TY CỔ PHẦN YOUNG CAPITAL	15,0000	5,0000%	0,0000	0,0000%	15,0000	5,0000%
2. Nhà đầu tư cá nhân						
	6,5908	2,1969%	0,0869	0,0290%	6,6777	2,2259%
	4,5908	1,5303%	0,2869	0,0956%	4,8777	1,6259%
	2,0000	0,6667%	-0,2000	-0,0667%	1,8000	0,6000%
	1,3908	0,4636%	-0,7296	-0,2432%	0,6612	0,2204%

Đơn vị: Tỷ đồng. Số liệu được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.



Loại nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
BÙI THỊ PHỤNG	0,2735	0,0912%	-0,2735	-0,0912%	0,0000	0,0000%
Cao Thị Huệ	0,0047	0,0016%	-0,0047	-0,0016%	0,0000	0,0000%
Chu Mạnh Tuấn	0,0470	0,0157%	0,0000	0,0000%	0,0470	0,0157%
Chu Thị Lê Hoa	0,0075	0,0025%	0,0000	0,0000%	0,0075	0,0025%
ĐÀO TRỌNG HÙNG	0,0075	0,0025%	-0,0075	-0,0025%	0,0000	0,0000%
Đặng Trung Đức	0,0103	0,0034%	-0,0103	-0,0034%	0,0000	0,0000%
Hoàng Châu Khánh	0,0051	0,0017%	0,0000	0,0000%	0,0051	0,0017%
Hoàng Thị Hồng Nhung	0,0015	0,0005%	-0,0015	-0,0005%	0,0000	0,0000%
HOÀNG THỊ THẢO	0,0075	0,0025%	-0,0075	-0,0025%	0,0000	0,0000%
HUỖNH ĐẠI NHÂN	0,0009	0,0003%	-0,0009	-0,0003%	0,0000	0,0000%
Huỳnh Hoàng Sơn	0,0241	0,0080%	-0,0241	-0,0080%	0,0000	0,0000%
HUỖNH VŨ THỊ TÚ TRINH	0,0001	0,0000%	0,0000	0,0000%	0,0001	0,0000%
Lê Thị Hồng Vân	0,0000	0,0000%	0,0100	0,0033%	0,0100	0,0033%
LƯƠNG GIA BẢO	0,0010	0,0003%	0,0020	0,0007%	0,0030	0,0010%
Lưu Quang Tiến	0,0037	0,0012%	-0,0037	-0,0012%	0,0000	0,0000%
NGÔ THANH HÀ	0,0047	0,0016%	0,0000	0,0000%	0,0047	0,0016%
Nguyễn Anh Kiệt	0,0009	0,0003%	-0,0009	-0,0003%	0,0000	0,0000%
NGUYỄN ANH TÙNG	0,0085	0,0028%	-0,0085	-0,0028%	0,0000	0,0000%
NGUYỄN ĐỖ MINH TUẤN	0,0094	0,0031%	-0,0094	-0,0031%	0,0000	0,0000%
Nguyễn Đức Hoàng Duy	0,0094	0,0031%	-0,0094	-0,0031%	0,0000	0,0000%
Nguyễn Hoàng Khánh Như	0,0035	0,0012%	-0,0035	-0,0012%	0,0000	0,0000%
NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	0,3427	0,1142%	0,0000	0,0000%	0,3427	0,1142%
Nguyễn Kim Luân	0,0018	0,0006%	0,0000	0,0000%	0,0018	0,0006%
Nguyễn Mai Khánh Linh	0,0100	0,0033%	-0,0100	-0,0033%	0,0000	0,0000%
Nguyễn Ngọc Mai	0,0028	0,0009%	-0,0028	-0,0009%	0,0000	0,0000%
Nguyễn Thị Cẩm Vân	0,0051	0,0017%	-0,0051	-0,0017%	0,0000	0,0000%
NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	0,0100	0,0033%	-0,0100	-0,0033%	0,0000	0,0000%
Nguyễn Thị Kim Phụng	0,0506	0,0169%	0,0000	0,0000%	0,0506	0,0169%

Vấn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên

Loại nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nguyễn Thị Thanh	0,0009	0,0003%	0,0000	0,00000%	0,0009	0,0003%
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	0,0004	0,0001%	0,0000	0,00000%	0,0004	0,0001%
NGUYỄN THỊ THU HẰNG	0,2722	0,0907%	-0,2722	-0,0907%	0,0000	0,00000%
Nguyễn Thị Thu Thanh	0,0101	0,0034%	-0,0101	-0,0034%	0,0000	0,00000%
Nguyễn Thị Xuân Thu	0,0001	0,0000%	0,0000	0,00000%	0,0001	0,00000%
NGUYỄN TRỌNG NHÂN	0,0469	0,0156%	-0,0469	-0,0156%	0,0000	0,00000%
Nguyễn Văn Trọng	0,0027	0,0009%	-0,0027	-0,0009%	0,0000	0,00000%
NGUYỄN VŨ HÀ MI	0,0470	0,0157%	-0,0470	-0,0157%	0,0000	0,00000%
Phạm Khánh Nguyễn	0,0009	0,0003%	-0,0009	-0,0003%	0,0000	0,00000%
Phạm Thị Thu	0,0029	0,0010%	-0,0029	-0,0010%	0,0000	0,00000%
Phạm Viết Triều	0,0009	0,0003%	-0,0009	-0,0003%	0,0000	0,00000%
Trần Nguyễn Anh Kiệt	0,0018	0,0006%	-0,0018	-0,0006%	0,0000	0,00000%
Trần Quang Đạt	0,0028	0,0009%	-0,0028	-0,0009%	0,0000	0,00000%
Trần Quang Minh	0,0470	0,0157%	-0,0470	-0,0157%	0,0000	0,00000%
TRẦN THỊ HẰNG	0,0001	0,0000%	-0,0001	0,00000%	0,0000	0,00000%
TRƯỜNG MỸ KIẾN	0,0862	0,0287%	0,0000	0,00000%	0,0862	0,0287%
Trương Thị Thanh Danh	0,0094	0,0031%	-0,0094	-0,0031%	0,0000	0,00000%
Vũ Thị Nga	0,0047	0,0016%	-0,0047	-0,0016%	0,0000	0,00000%
Nguyễn Nhật Huy	0,0000	0,0016%	0,0001	0,00000%	0,0001	0,00000%
Đậu Xuân Việt Hoàng	0,0000	0,0016%	0,1000	0,0333%	0,1000	0,0333%
Võ Minh Thông	0,0000	0,0016%	0,0010	0,0003%	0,0010	0,0003%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	84,5469	28,1823%	0,6427	0,2142%	85,1896	28,3965%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	65,7364	21,9121%	2,7083	0,9028%	68,4447	22,8149%
a) Tổ chức tín dụng	0,0000	0,0000%	0,0000	0,0000%	0,0000	0,0000%
b) Quỹ đầu tư	56,9679	18,9893%	0,0000	0,0000%	56,9679	18,9893%
ASAM VIETNAM BOND HEDGE FUND 2	7,171	2,5724%	0,0000	0,0000%	7,171	2,5724%
ASAM VIETNAM BOND HEDGE FUND 3	21,4300	7,1433%	0,0000	0,0000%	21,4300	7,1433%

Loại nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
KIM SE JUN	0,2841	0,0947%	0,0000	0,00000%	0,2841	0,0947%
KIM SEONHEUI	0,3458	0,1153%	0,0000	0,00000%	0,3458	0,1153%
KO KWANG SOO	0,2870	0,0957%	0,0000	0,00000%	0,2870	0,0957%
KOSAKAMOTO AI	0,0000	0,0000%	0,0109	0,0036%	0,0109	0,0036%
KWAK TAE SAM	0,9374	0,3125%	-0,9374	-0,3125%	0,0000	0,0000%
KWON OHSANG	0,0200	0,0067%	0,0000	0,00000%	0,0200	0,0067%
KWON TAEK SUH	0,2476	0,0825%	0,0000	0,00000%	0,2476	0,0825%
LEE CHANGHEE	0,1439	0,0480%	0,0000	0,00000%	0,1439	0,0480%
LEE CHUL WOO	0,0150	0,0050%	0,0000	0,00000%	0,0150	0,0050%
LEE IN HYUCK	0,2804	0,0935%	0,0137	0,0046%	0,2941	0,0980%
LEE JI YONG	1,0740	0,3580%	0,0000	0,00000%	1,0740	0,3580%
LEE JOO SEOK	2,2218	0,7406%	0,0000	0,00000%	2,2218	0,7406%
LEE SEUNGHO	0,1671	0,0557%	0,0000	0,00000%	0,1671	0,0557%
LIM EUN SUK	0,6790	0,2263%	0,0000	0,00000%	0,6790	0,2263%
PARK IN YONG	0,0485	0,0162%	0,0291	0,0097%	0,0776	0,0259%
PARK JI HOON	0,0950	0,0317%	0,0000	0,00000%	0,0950	0,0317%
SHIN HYUN WOO	0,5835	0,1945%	0,0000	0,00000%	0,5835	0,1945%
TABATA TAKASHI	0,0520	0,0173%	0,0000	0,00000%	0,0520	0,0173%
YANG DOOSEUNG	1,0000	0,3333%	0,0000	0,00000%	1,0000	0,3333%
YOO JUNG AE	0,9346	0,3115%	0,0000	0,00000%	0,9346	0,3115%
HONG SEONGHUN	0,0000	0,0000%	0,4000	0,1333%	0,4000	0,1333%
YOON HAN KOO	0,0000	0,0000%	0,1000	0,0333%	0,1000	0,0333%
Tổng cộng	300,0000	100,0000%	0,0000	0,0000%	300,0000	100,0000%

[illegible]

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

23
Y
J T
M A
H A

Danh sách đầu kỳ được cập nhật theo danh sách chốt ngày 06/11/2024 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Danh sách cuối kỳ được cập nhật theo danh sách chốt ngày 06/05/2025 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nơi nhận/

- Lưu: VT,

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**



**CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN THỜI**



Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.